

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm định các thiết bị áp lực, thiết bị nâng và thiết bị phòng nổ năm 2026 cho Công ty Thủy điện Huội Quảng – Bản Chát.

Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát có địa chỉ ở bản Nà Khiết, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Địa điểm thực hiện: Tại Nhà máy Thủy điện Bản Chát thuộc Bản Chát, xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu và Nhà máy Thủy điện Huội Quảng thuộc Bản Nhạp, xã Chiềng Lao, tỉnh Sơn La.

Nguồn vốn: Vốn SXKD năm 2026 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp.

Thời gian thực hiện gói thầu: 10 tháng.

2. Mục tiêu công việc của gói thầu

Nhà thầu thực hiện kiểm định các máy, thiết bị nâng, thiết bị áp lực và thiết bị phòng nổ khu vực Nhà máy Thủy điện Huội Quảng và Nhà máy Thủy điện Bản Chát theo TCVN và quy trình, quy định hiện hành và phù hợp, đáp ứng theo các yêu cầu, quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu kỹ thuật

- Giấy chứng nhận/Quyết định là đơn vị có chức năng kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các thiết bị nêu tại E-HSMT đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành còn hiệu lực đến khi kết thúc hợp đồng.

- Nhà thầu phải có biện pháp tổ chức thực hiện kiểm định, tiến độ phù hợp, các công việc chuẩn bị, phối hợp trước, trong và sau khi thực hiện kiểm định nhà thầu đề xuất hợp lý, phù hợp có lợi nhất cho chủ đầu tư.

- Trường hợp nhà thầu sử dụng năng lực của nhà thầu phụ/nhà thầu liên danh thì nhà thầu phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ/nhà thầu liên danh, đồng thời nhà thầu phụ/nhà thầu liên danh cũng phải đủ năng lực và kinh nghiệm đối với công việc do nhà thầu phụ/nhà thầu liên danh thực hiện.

- Nhà thầu phải bảo quản các quyền lý lịch của thiết bị khi chủ đầu tư giao, phê chuẩn kết quả kiểm định và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xây dựng lại, có ghi rõ lý do xây dựng lại trong lý lịch mới khi Nhà thầu làm thất lạc lý lịch gốc.

- Nhà thầu phải tự chịu chi phí sinh hoạt, ăn, nghỉ trong quá trình thực hiện dịch vụ kiểm định.

- Nhà thầu phải chứng minh các nhân sự tham gia kiểm định có: Chứng chỉ, thẻ kiểm định viên, thẻ an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật đang còn thời hạn sử dụng đến khi kết thúc hợp đồng.

- Nhà thầu phải chứng minh có danh sách tải động của nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu ký thuê tải của đơn vị khác và tự chịu chi phí liên quan để phục vụ công việc của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp File Quy trình kiểm định các máy, thiết bị nâng, áp lực, thiết bị đo lường, thiết bị phòng nổ mà nhà thầu áp dụng để thực hiện công việc cho chủ đầu tư.

- Thực hiện kiểm định các máy, thiết bị áp lực, thiết bị nâng và thiết bị phòng nổ tại Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát năm 2026 theo các danh mục sau:

Stt	Tên dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Đợt kiểm định
A	Thiết bị áp lực và nâng			
I	Nhà máy Thủy điện Bản Chát			
1	Dịch vụ kiểm định Cầu trục chân dê cửa nhận nước: Q = 2x50 + 2x10 + 5 tấn	Thiết bị	1	1
2	Dịch vụ kiểm định Cầu trục gian máy: Q = 400/80/10/5 tấn	Thiết bị	1	1
3	Dịch vụ kiểm định Cầu trục chân dê đập tràn: Q = 2x32+3,2 tấn	Thiết bị	1	1
4	Dịch vụ kiểm định Cầu trục chân dê hạ lưu: Q = 2x15 tấn	Thiết bị	1	1
5	Dịch vụ kiểm định Cầu trục trạm GIS: Q = 10 tấn	Thiết bị	1	1
6	Dịch vụ kiểm định Palăng điện (Monorail) đặt tại trạm bơm 356.9m: Q = 2 tấn	Thiết bị	1	1
7	Dịch vụ kiểm định Palăng điện (Monorail) đặt tại Giếng tua bin tổ máy số 2 : Q=2 tấn	Thiết bị	1	1
8	Dịch vụ kiểm định Palăng điện (Monorail) đặt tại xưởng gia công cơ khí: Q = 3 tấn	Thiết bị	1	1
9	Dịch vụ kiểm định Palăng điện (Monorail) đặt tại Phòng nén khí: Q = 5 tấn	Thiết bị	1	1
10	Dịch vụ kiểm định Palăng điện (Monorail) đặt tại Giếng tuabin tổ máy số 1: Q = 2 tấn	Thiết bị	1	1
11	Dịch vụ kiểm định Xe nâng hàng: Q = 3,5 tấn	Xe	1	1
12	Dịch vụ kiểm định Xe ô tô tải gắn cầu: Q = 5,5 tấn	Xe	1	1
13	Dịch vụ kiểm định Thang máy Nhà máy: Q = 700kg, 8 điểm dừng	Thang	1	2
14	Dịch vụ kiểm định Thang máy đập tràn: Q = 1000kg, 4 điểm dừng	Thang	1	2
15	Dịch vụ kiểm định Bình tích năng hệ thống điều tốc tổ máy số 1: V = 2,5m ³ , áp lực làm việc 7,0Mpa; Kiểm tra siêu âm, ra biên bản siêu âm chiều dày bình áp lực	Bình	1	2
16	Dịch vụ kiểm định Bình tích năng hệ thống điều tốc tổ máy số 2: V = 2,5m ³ , áp lực làm việc 7,0Mpa; Kiểm tra siêu âm, ra biên bản siêu âm chiều dày bình áp lực	Bình	1	3
17	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí CA K1A (loại lò xo) áp lực làm việc theo bình	Cái	1	1
18	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí CA K1B (loại lò xo); Plv theo bình	Cái	1	1
19	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí CA K1C (loại lò xo) ; Plv theo bình	Cái	1	1
20	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí HA K2A (loại lò xo) ; Plv theo bình	Cái	1	1
21	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí HA K2B (loại lò xo) ; Plv theo bình	Cái	1	1
22	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình MHY H1 (loại lò xo) ; Plv theo bình	Cái	1	1

Stt	Tên dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Đợt kiểm định
23	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình MHY H2 (loại lò xo) ; Plv theo bình	Cái	1	1
24	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí CA K1A (tác động trực tiếp); Plv =7Mpa	Van	1	1
25	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí CA K1B (tác động trực tiếp); Plv =7Mpa	Van	1	1
26	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí CA K1C (tác động trực tiếp); Plv =7Mpa	Van	1	1
27	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí HA K2A (tác động trực tiếp); Plv = 0,8 Mpa	Van	1	1
28	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí HA K2B (tác động trực tiếp); Plv = 0,8Mpa	Van	1	1
29	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình MHY H1 (tác động trực tiếp); Plv = 6,3 Mpa	Van	1	2
30	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình MHY H2 (tác động trực tiếp); Plv = 6,3Mpa	Van	1	3
II	NMTĐ Huội Quảng			
31	Dịch vụ kiểm định Xe nâng hàng CPC 50: Q = 5 tấn	Xe	1	1
32	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích HSH-1T (lưu động 01): Q = 1 tấn	Thiết bị	1	1
33	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích HST-1T (lưu động 02): Q = 1 tấn	Thiết bị	1	1
34	Dịch vụ kiểm định Bình tích năng hệ thống điều tốc tổ máy H1; V = 3,5m3, áp lực làm việc 6,3Mpa; Kiểm tra siêu âm, ra biên bản siêu âm chiều dày bình áp lực	Bình	1	2
35	Dịch vụ kiểm định Bình tích năng van đĩa tổ máy H1; V = 10m3 lít, áp lực làm việc 7,0Mpa; Kiểm tra siêu âm, ra biên bản siêu âm chiều dày bình áp lực	Bình	1	2
36	Dịch vụ kiểm định Bình tích năng hệ thống điều tốc tổ máy H2; V = 3,5m3, áp lực làm việc 6,3Mpa; Kiểm tra siêu âm, ra biên bản siêu âm chiều dày bình áp lực	Bình	1	3
37	Dịch vụ kiểm định Bình tích năng van đĩa tổ máy H2; V = 10m3, áp lực làm việc 7,0Mpa; Kiểm tra siêu âm, ra biên bản siêu âm chiều dày bình áp lực	Bình	1	3
38	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí CA K1A (loại lò xo); Plv theo bình	Cái	1	1
39	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí CA K1B (loại lò xo) Plv theo bình	Cái	1	1
40	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí CA K1C (loại lò xo) Plv theo bình	Cái	1	1
41	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí HA K1D (loại lò xo) Plv theo bình	Cái	1	1
42	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí HA K2A (loại lò xo) Plv theo bình	Cái	1	1
43	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình khí HA K2B (loại lò xo) Plv theo bình	Cái	1	1
44	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình dầu áp lực MHY điều tốc H1 (loại lò xo) Plv theo bình	Cái	1	2

Stt	Tên dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Đợt kiểm định
45	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình dầu áp lực MHY van đĩa H1 (loại lò xo)	Cái	1	2
46	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình dầu áp lực MHY điều tốc H2 (loại lò xo) Plv theo bình	Cái	1	3
47	Dịch vụ kiểm định Áp kế bình dầu áp lực MHY van đĩa H2 (loại lò xo) Plv theo bình	Cái	1	3
48	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí CA K1A (tác động trực tiếp), Plv = 7 Mpa	Van	1	1
49	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí CA K1B (tác động trực tiếp), Plv =7 Mpa	Van	1	1
50	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí CA K1C (tác động trực tiếp), Plv =7 Mpa	Van	1	1
51	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí CA K1D (tác động trực tiếp), Plv =7 Mpa	Van	1	1
52	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí HA K2A (tác động trực tiếp), Plv =0,8 Mpa	Van	1	1
53	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình khí HA K2B (tác động trực tiếp), Plv =0,8 Mpa	Van	1	1
54	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình tích năng điều tốc H1 (tác động trực tiếp), Plv = 6,3 Mpa	Van	1	2
55	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình tích năng van đĩa H1 (tác động trực tiếp), Plv =6,3 Mpa	Van	1	2
56	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình tích năng điều tốc H2 (tác động trực tiếp), Plv = 6,3 Mpa	Van	1	3
57	Dịch vụ kiểm định Van an toàn bình tích năng van đĩa H2 (tác động trực tiếp), Plv =6,3 Mpa	Van	1	3
III	PXSC			
58	Dịch vụ kiểm định Xe tải gắn cầu 25C-01572; Q = 10T	Xe	1	2
59	Dịch vụ kiểm định Xe nâng tự hành (Z-45/25J) Số người được phép làm việc: 02 người - Tải trọng lớn nhất: 227 Kg - Kiểu dẫn động: Điện + Thủy lực - Độ cao nâng sàn lớn nhất: 13,9 M - Bán kính làm việc: 8 m	Xe	1	2
60	Dịch vụ kiểm định Bàn nâng thủy lực TF100D; Tải trọng 1 Tấn; (số chế tạo/quản lý: 6478)	Thiết bị	1	2
61	Dịch vụ kiểm định Bàn nâng thủy lực PTS800; Tải trọng nâng 800kg; (số chế tạo/quản lý: 2021110410-28)	Thiết bị	1	2
62	Dịch vụ kiểm định Sàn nâng ZLP800; Tải trọng 800kg; (số chế tạo/quản lý: 1801121)	Thiết bị	1	2
63	Dịch vụ kiểm định Bàn nâng thủy lực TF100D; Tải trọng tối đa: 1 Tấn; (số chế tạo/quản lý: 6477)	Thiết bị	1	2
64	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 10 Tấn; (Số chế tạo 197754; Số đóng 18616)	Thiết bị	1	2
65	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q =2 Tấn; (Số chế tạo 2516; Số đóng 18613)	Thiết bị	1	2
66	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 1,5 Tấn; (số chế tạo/quản lý: 22112)	Thiết bị	1	2

Stt	Tên dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Đợt kiểm định
67	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 1,5 Tấn ; (số chế tạo/quản lý: 16600)	Thiết bị	1	2
68	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 2 Tấn; 2202780	Thiết bị	1	2
69	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 2 Tấn; 2202792	Thiết bị	1	2
70	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 2 Tấn; 'LH2209506	Thiết bị	1	2
71	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích kéo tay: Q =1 Tấn; 81NL1537	Thiết bị	1	2
72	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích kéo tay: Q =1 Tấn; 81NL1531	Thiết bị	1	2
73	Dịch vụ kiểm định Pa lăng: Q = 40 Tấn; (Số chế tạo 197755; Số đóng 2494)	Thiết bị	1	2
74	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 5 Tấn; (Số chế tạo 197753; Số đóng 18615)	Thiết bị	1	2
75	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 2 Tấn; (số chế tạo/quản lý: 18620)	Thiết bị	1	2
76	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 1,5 Tấn; (số chế tạo/quản lý: 22110)	Thiết bị	1	2
77	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 1,5 Tấn; (số chế tạo/quản lý: 22111)	Thiết bị	1	2
78	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q =1 Tấn; (số chế tạo/quản lý: 16617)	Thiết bị	1	2
79	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 3 Tấn; (số chế tạo/quản lý: 18619)	Thiết bị	1	2
80	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 3 Tấn; (số chế tạo/quản lý:16602)	Thiết bị	1	2
81	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 2 Tấn; (Số chế tạo 2202779; Số đóng 16551)	Thiết bị	1	2
82	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 2 Tấn; (Số chế tạo 2111059; Số đóng 16552)	Thiết bị	1	2
83	Dịch vụ kiểm định Pa lăng xích: Q = 2 Tấn; (số chế tạo/quản lý: LH2209509)	Thiết bị	1	2
B	Thiết bị phòng nổ			
I	NMTĐ Bản Chất			
84	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại phòng nước thải lần dầu cao trình 387m	Cái	6	1
85	Công tắc phòng nổ tại phòng nước thải lần dầu cao trình 387m	Cái	2	1
86	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại phòng ắc quy cao trình 380m	Cái	2	1
87	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại buồng Máy phát H1	Cái	6	1
88	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại buồng Máy phát H2	Cái	6	1
II	NMTĐ Huội Quảng			1
89	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại phòng Diesel trạm 220kV	Cái	1	1
90	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại phòng ắc quy trạm 220kV	Cái	1	1
91	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại phòng ắc quy nhà máy	Cái	1	1
92	Động cơ điện phòng nổ bơm dầu Diesel D1 (<1000V)	Cái	1	1

Stt	Tên dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Đợt kiểm định
93	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại buồng Máy phát H1	Cái	12	1
94	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại buồng Máy phát H2	Cái	12	1
95	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại MBA T1-A (4 bóng có chiều cao 10m so với mặt đất/sàn)	Cái	9	1
96	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại MBA T1-B (4 bóng có chiều cao 10m so với mặt đất/sàn)	Cái	9	1
97	Đèn chiếu sáng phòng nổ tại MBA T1-C (4 bóng có chiều cao 10m so với mặt đất/sàn)	Cái	9	1
98	Động cơ điện phòng nổ bơm dầu M8A tại phòng nước thải lần đầu (<1000V)	Cái	1	1
99	Động cơ điện phòng nổ bơm dầu M9A tại phòng nước thải lần đầu (<1000V)	Cái	1	1
100	Động cơ điện phòng nổ bơm dầu M10A tại phòng nước thải lần đầu (<1000V)	Cái	1	1
101	Chi phí chuẩn bị các công cụ, dụng cụ, tháo, lắp, thiết bị thử tải, chuẩn bị tải, sắp tải... phục vụ trọn gói nội dung công việc kiểm định tất cả các thiết bị nêu trên. (01 gói cho tất cả các thiết bị/các đợt)	Gói	1	Tất cả các đợt
102	Chi phí đi lại, vận chuyển thiết bị phục vụ kiểm định từ Hà Nội- Lai Châu/ Sơn La và ngược lại (03 lần/đợt và tạm tính đi lại 02 lần lên xử lý tồn tại khiếm khuyết của VAT sau kiểm định)	Lần	3	
Tổng giá trị (Đã bao gồm thuế VAT)				

Ghi chú:

+ Thời gian ngày kiểm định chính xác từng đợt Công ty sẽ thông báo chính thức cho Nhà thầu trong thời hạn tối thiểu 05 ngày trước khi thực hiện.

+ Đợt 1 dự kiến hoàn thành ngày 15/4/2026.

+ Đợt 2 và đợt 3 Phụ thuộc kế hoạch sửa chữa tiểu tu, đại tu tổ máy của 02 nhà máy thủy điện Bản Chát và Huội Quảng (Có thể ghép các thiết bị trong mục III. PXSC, HCLĐ vào cùng đợt 2 tùy thuộc vào lịch dừng tổ máy nhưng phải kiểm định xong các thiết bị nêu trong mục III. PXSC, HCLĐ trước ngày 02/10/2026.

+ Việc đi lại các đợt đang tạm tính dự kiến 05 đợt/800km mỗi đợt (nghiệm thu theo thực tế các đợt phát sinh).

+ Van an toàn và áp kế có kiểu loại là lò xo.

4. Giải pháp và phương pháp luận

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác.*

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

- Nhà thầu phải cung cấp phiếu kết quả/giấy chứng nhận, biên bản kiểm định theo quy định hiện hành (01 bản gốc cho thiết bị) và dán tem kiểm định trên thiết bị theo quy định.

- Mục ghi trên tem kiểm định phải là loại không phai màu.

- Chậm nhất không quá 20 ngày tính từ ngày kết thúc đợt kiểm định, Nhà thầu phải nộp hồ sơ về Bên mời thầu gồm:

- + Biên bản kiểm định (tối thiểu 01 gốc cho từng thiết bị, chủ đầu tư có thể yêu cầu bổ sung thêm 01 khi có yêu cầu);

- + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định và tem kiểm định (01 bản gốc cho từng thiết bị);

- + Phiếu kết quả kiểm định theo quy định hiện hành;

- Trường hợp các thiết bị kiểm định không đạt nhà thầu cần đánh giá nguyên nhân và đề ra biện pháp hướng xử lý cho Bên mời thầu.

- Hồ sơ thanh toán Nhà thầu phải gửi về Bên mời thầu gồm:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;

- + Biên bản kiểm định (tối thiểu 01 gốc cho từng thiết bị, chủ đầu tư có thể yêu cầu bổ sung thêm 01 khi có yêu cầu);

- + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định và tem kiểm định (01 bản gốc cho từng thiết bị);

- + Phiếu kết quả kiểm định.